

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP (QUACERT)
VIETNAM CERTIFICATION CENTRE (QUACERT)

Trụ sở/Head Office:

08 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô,
Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: 024. 37561025; Fax: 024. 37563188
Email: quacert@quacert.gov.vn
Website: www.quacert.gov.vn

Văn phòng HCM/Representative Office:

40 Nguyễn Hiến Lê, P.13, Q. Tân Bình,
tp. Hồ Chí Minh
Tel: 028. 38121033; Fax: 028. 38121032
Email: quacert-hcm@quacert.gov.vn



ENSURE YOUR SUCCESS

CHƯƠNG TRÌNH CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM
FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEMS CERTIFICATION SCHEME

ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN
APPLICATION FOR CERTIFICATION

DÀNH CHO QUACERT / FOR QUACERT USE ONLY:

Mã số:	Code:	Người xem xét:
---------------	--------------	-----------------------

1. THÔNG TIN CHUNG / GENERAL INFORMATION

TÊN TỔ CHỨC : Tên tiếng Việt / in Vietnamese:
Organisation Name

Tên tiếng Anh / in English:

ĐỊA CHỈ : Địa chỉ / Address:
Address

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC : Họ và tên / Full Name: Ông/Bà
Organisation's Representative
Chức vụ / Position:

Tel: Fax: Email:

NGƯỜI LIÊN HỆ : Họ và tên / Full Name: Ông/Bà
Contact Person
Chức vụ / Position:

Tel: Fax: Email:

NGÀY THÀNH LẬP :
Foundation Date

LOẠI HÌNH TỔ CHỨC : ☐ Quốc doanh / State Owned ☐ Tư nhân / Private
Type of Business ☐ Cổ phần / Joint Stock ☐ Liên doanh / Joint Venture
☐ Hợp danh / Partnership ☐ Trách nhiệm HH / Limited
☐ Nước ngoài / Foreign ☐ Thành phần khác / Other

2. THÔNG TIN CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION INFORMATION

LOẠI HÌNH CHỨNG NHẬN : ☐ Chứng nhận lần đầu / Initial Audit
Type of Certification ☐ Chứng nhận mở rộng / Extension Audit
☐ Chứng nhận chuyển đổi / Conversion Audit
☐ Chứng nhận lại / Renewal

TIÊU CHUẨN :
CHỨNG NHẬN
Certification Standard

LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ : Tiếng Việt / in Vietnamese:
CHỨNG NHẬN

(ghi rõ các hoạt động sản xuất/chế biến thực phẩm và sản phẩm tại địa điểm đăng ký chứng nhận)

Scope of Certification

(list all processes and products in the certification sites)

Tiếng Anh / in English:

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ
NHÂN VIÊN
Number of Employees

: Tổng số CBNV trong Hệ thống ATTP /
in FSMS system:
Trong đó, số CBNV trực tiếp sản xuất /
in shop floor:
Nếu SX theo ca, Số CBNV trong từng ca / in each shift, if applicable
ca 1/shift 1:
ca 2/shift 2:
ca 3/shift 3:

NẾU TỔ CHỨC CÓ NHIỀU
ĐỊA ĐIỂM THUỘC LĨNH VỰC
ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN,
ĐỀ NGHỊ GHI RÕ TÊN - ĐỊA
CHỈ - SẢN PHẨM / DỊCH VỤ
/ HOẠT ĐỘNG - SỐ CBNV
CỦA TỪNG ĐỊA ĐIỂM (CÓ
THỂ GHI VÀO PHỤ LỤC)

**If the organisation has
more than one premise or
remote location under the
registered scope of
certification, please specify
the Name, Address,
Product / Services /
Activities, and number of
employee relevant to each
premise or remote location
(Attachment may be used)**

: Địa điểm 01 / Premise No.01:

Địa điểm 02 / Premise No.02:

Địa điểm 03 / Premise No.03:

ĐỀ NGHỊ LIỆT KÊ MỘT SỐ
VĂN BẢN PHÁP QUY QUAN
TRỌNG CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN LĨNH VỰC SẢN
XUẤT/KINH DOANH CỦA TỔ
CHỨC

**Please identify some
important regulations
applicable to organisation's
field of products and
business**

TỔ CHỨC ĐÃ ÁP DỤNG HỆ
THỐNG QUẢN LÝ NÀO
KHÁC (ISO 9001, ISO 14001,
OHSAS 18001...)

☐ Có / Yes

☐ Không / No

**Has organisation applied
any management system
standard? (i.e. ISO 9001,
ISO 14001, OHSAS 18001...)**

Nếu có, xin ghi rõ tên tiêu chuẩn, tổ chức chứng nhận / If Yes, please indicate the ap

THỜI GIAN ĐỀ NGHỊ
ĐÁNH GIÁ

☐ Đánh giá sơ bộ / Pre-Assessment:

Time proposed for

☐ Đánh giá chính thức / Initial Assessment:

3. THÔNG TIN SƠ BỘ VỀ HỆ THỐNG / BASIC INFORMATION OF SYSTEM

▪ LIỆT KÊ CÁC ĐIỂM CCP/MỐI NGUY ĐÃ XÁC ĐỊNH ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI SẢN PHẨM THUỘC PHẠM VI ĐĂNG KÝ

▪ THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ SỐ LƯỢNG DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

▪ THÔNG TIN VỀ HACCP STUDY VÀ SỐ LƯỢNG HACCP STUDY

▪ THÔNG TIN VỀ THỜI GIAN SẢN XUẤT CAO ĐIỂM VÀ THẤP ĐIỂM TRONG NĂM

▪ THÔNG TIN VỀ THỜI GIAN MÙA VỤ THU HOẠCH CHÍNH

▪ VỊ TRÍ VÀ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

▪ QUY MÔ CỦA ĐỊA ĐIỂM, LOẠI HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

▪ ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP SƠ ĐỒ PHÁC THẢO VỀ MẶT BẰNG CỦA ĐỊA ĐIỂM ĐÁNH GIÁ, TẬP TRUNG VÀO CÁC KHU VỰC SẢ

- ĐỀ NGHỊ MÔ TẢ NGẮN GỌN VỀ HỆ THỐNG THÔNG KHÍ (NẾU CÓ)

- ĐỀ NGHỊ MÔ TẢ NGẮN GỌN VỀ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

- ĐỀ NGHỊ LIỆT KÊ MỘT SỐ THIẾT BỊ SẢN XUẤT VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TRỌNG YẾU

- LIỆT KÊ CÁC CHẤT KHÁNG SINH NHẠY CẢM, CÁC CHẤT ĐỘC HẠI, NGUY HIỂM CÓ TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TẠI

- ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC NHÀ THẦU PHỤ MÀ TỔ CHỨC ĐANG SỬ DỤNG (VÍ DỤ: ĐÓNG GÓI, X

- ĐỀ NGHỊ GỬI KÈM THEO ĐĂNG KÝ NÀY CÁC HỒ SƠ/ TÀI LIỆU:
 - ✓ Đăng ký kinh doanh
 - ✓ Tài liệu Giới thiệu tổ chức (nếu có)
 - ✓ Sơ đồ tổ chức hoặc Văn bản liệt kê các đơn vị/ phòng ban nằm trong hệ thống
 - ✓ Tài liệu mô tả phạm vi áp dụng, bao gồm các giới hạn, ranh giới áp dụng, các đơn vị gia công, .v.v...
 - ✓ Các Kế hoạch HACCP áp dụng
 - ✓ Danh mục các chương trình oPRP/PRP áp dụng
 - ✓ Sơ đồ đường đi nhà máy
 - ✓ Công bố chất lượng sản phẩm
 - ✓ Các hồ sơ khác (nếu cần thiết)

:

4. CÁC THÔNG TIN KHÁC / OTHER INFORMATION

TỔ CHỨC ĐÃ ÁP DỤNG HỆ
THỐNG QUẢN LÝ NÀO
KHÁC (ISO 9001, ISO 14001,
ISO 22000, OHSAS 18001...)

☐ Có / Yes ☐ Không / No

Nếu có, xin ghi rõ tên tiêu chuẩn, tổ chức chứng nhận / If Yes, please indicate the ap

Has organisation applied any management system standard? (i.e. ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000, OHSAS 18001...)

XIN VUI LÒNG CHO BIẾT, ĐƠN VỊ NÀO TƯ VẤN CHO TỔ CHỨC, NẾU CÓ :

Please let us known the consultancy identity if available

XIN VUI LÒNG CHO BIẾT CÁC YÊU CẦU KHÁC, NẾU CÓ :

Please let us known if you have any other requests

CHÚNG TÔI XIN CAM ĐOAN CÁC THÔNG TIN TRONG ĐĂNG KÝ KÝ CHỨNG NHẬN LÀ ĐÚNG
We certify that the statements made by us in this form are true and correct to the best of our knowledge.

CHÚNG TÔI ĐÃ HIỂU RÕ VÀ CAM KẾT TUÂN THỦ CÁC YÊU CẦU TRONG BẢN “QUY ĐỊNH NGUYÊN TẮC VÀ ĐIỀU KIỆN CHỨNG NHẬN” (QUYẾT ĐỊNH 398/15/QĐ-QUACERT) CỦA QUACERT TRÊN CƠ SỞ QUYẾT ĐỊNH 48/QĐ-TĐC CỦA TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG.

We have understood and committed to follow all requirements in “Terms and Conditions of Certification” specified by QUACERT (Decision 398/15/QD-QUACERT) based on Decision 48/QD-TDC of Directorate for Standards and Quality.

Ngày / Date Tháng / Month Năm / Year
ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN / AUTHORISED REPRESENTATIVE
(Ký tên và đóng dấu / Sign and seal)